

SỔ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 NĂM 2025

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TRUNG CẤP; HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

KHỐI TRUNG CẤP K60 (TUYỂN SINH ĐỢT 1 NĂM 2023) TẠI CÁC TRUNG TÂM GDTX, KHÓA HỌC 2023-2025

(Theo Quyết định số 274/QĐ-CĐSL ngày 31/03/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La)

Cấp bằng tốt nghiệp ngày: 21/04/2025

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TĐ 4)	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	Vàng Lao	Chá	28/12/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.15	Trung bình	TC1.002867	14/TC1/2025/001		
2	Mùa Thị	Chia	01/01/2007	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.6	Khá	TC1.002868	14/TC1/2025/002		
3	Mùa A Vàng	Chổng	06/06/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.44	Trung bình	TC1.002869	14/TC1/2025/003		
4	Vàng Lao	Công	18/03/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.35	Trung bình	TC1.002870	14/TC1/2025/004		
5	Lừ Văn	Duy	11/11/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.13	Trung bình	TC1.002871	14/TC1/2025/005		
6	Mùa A	Gia	22/06/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.4	Trung bình	TC1.002872	14/TC1/2025/006		
7	Hoàng Tuấn	Kiệt	04/12/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.42	Trung bình	TC1.002873	14/TC1/2025/007		
8	Mùa Thị	Mai	07/08/2007	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.71	Khá	TC1.002874	14/TC1/2025/008		
9	Hoàng Thị Huyền	Mây	13/12/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.63	Khá	TC1.002875	14/TC1/2025/009		
10	Phan An	Nguyên	25/04/2007	Thái Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.5	Khá	TC1.002876	14/TC1/2025/010		
11	Lừ Thị Như	Nguyệt	02/02/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.69	Khá	TC1.002877	14/TC1/2025/011		
12	Lò Thị Xuân	Nhi	17/09/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.81	Khá	TC1.002878	14/TC1/2025/012		
13	Sông A	Nụ	02/03/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.42	Trung bình	TC1.002879	14/TC1/2025/013		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại TN (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
14	Phảng Thị	Pàng	28/02/2007	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.69	Khá	TC1.002880	14/TC1/2025/014		
15	Thào Tổ	Quốc	27/07/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.44	Trung bình	TC1.002881	14/TC1/2025/015		
16	Thào A	Sò	05/09/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.46	Trung bình	TC1.002882	14/TC1/2025/016		
17	Sông A	Su	15/04/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.46	Trung bình	TC1.002883	14/TC1/2025/017		
18	Quảng Thị Anh	Thư	10/04/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	3	Giỏi	TC1.002884	14/TC1/2025/018		
19	Mè Thị Huyền	Trang	11/03/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.9	Khá	TC1.002885	14/TC1/2025/019		
20	Quảng Thị Huyền	Trang	18/02/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.67	Khá	TC1.002886	14/TC1/2025/020		
21	Mùa A	Tú	12/08/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Công tác xã hội	2025	2.25	Trung bình	TC1.002887	14/TC1/2025/021		
22	Lừ Phạm Hiếu	Anh	25/11/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.56	Khá	TC1.002888	14/TC1/2025/022		
23	Lù A	Cang	20/03/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.73	Khá	TC1.002889	14/TC1/2025/023		
24	Giàng A	Chang	08/02/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.6	Khá	TC1.002890	14/TC1/2025/024		
25	Lù Thị	Chư	18/08/2007	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.96	Khá	TC1.002891	14/TC1/2025/025		
26	Sông A	Chư	10/10/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.83	Khá	TC1.002892	14/TC1/2025/026		
27	Vàng A Páo	Chua	27/09/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.85	Khá	TC1.002893	14/TC1/2025/027		
28	Lèo Thị Nga	Diệu	21/07/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	3.17	Giỏi	TC1.002894	14/TC1/2025/028		
29	Sông A	Dua	27/11/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.77	Khá	TC1.002895	14/TC1/2025/029		
30	Vàng Páo	Giang	07/07/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.87	Khá	TC1.002896	14/TC1/2025/030		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại TN (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
31	Thào A	Hồ	28/09/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.67	Khá	TC1.002897	14/TC1/2025/031		
32	Đinh Văn	Lặc	13/01/2006	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.85	Khá	TC1.002898	14/TC1/2025/032		
33	Hạng A	Lênh	01/01/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.87	Khá	TC1.002899	14/TC1/2025/033		
34	Sông Xuân	Mạnh	13/11/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.65	Khá	TC1.002900	14/TC1/2025/034		
35	Mùi Ngọc Thảo	Nguyên	30/06/2007	Điện Biên	Nữ	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.98	Khá	TC1.002901	14/TC1/2025/035		
36	Giàng A	Nhớ	15/12/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.48	Trung bình	TC1.002902	14/TC1/2025/036		
37	Phàng A	Say	24/06/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.62	Khá	TC1.002903	14/TC1/2025/037		
38	Vàng A	Su	19/11/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.88	Khá	TC1.002904	14/TC1/2025/038		
39	Phàng A	Tính	21/11/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.77	Khá	TC1.002905	14/TC1/2025/039		
40	Nguyễn Thị Anh	Thư	20/06/2007	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.96	Khá	TC1.002906	14/TC1/2025/040		
41	Vàng Thị	Tòng	08/01/2007	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.98	Khá	TC1.002907	14/TC1/2025/041		
42	Sông A	Trắng	01/01/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.71	Khá	TC1.002908	14/TC1/2025/042		
43	Sông A	Vắng	26/06/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.69	Khá	TC1.002909	14/TC1/2025/043		
44	Mùa A	Vênh	01/07/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.63	Khá	TC1.002910	14/TC1/2025/044		
45	Lò Quốc	Việt	31/03/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.46	Trung bình	TC1.002911	14/TC1/2025/045		
46	Đinh Hoàng	Vũ	14/04/2007	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.73	Khá	TC1.002912	14/TC1/2025/046		
47	Lê Thị	Ánh	24/07/2007	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	3.12	Giỏi	TC1.002913	14/TC1/2025/047		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại TN (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
48	Lò Quốc	Dụng	23/07/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.88	Khá	TC1.002914	14/TC1/2025/048		
49	Đinh Thu	Hà	31/08/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.92	Khá	TC1.002915	14/TC1/2025/049		
50	Sa Quang	Hà	03/06/2007	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.88	Khá	TC1.002916	14/TC1/2025/050		
51	Đinh Đức	Hải	11/10/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.79	Khá	TC1.002917	14/TC1/2025/051		
52	Lò Thanh	Hảo	07/11/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.88	Khá	TC1.002918	14/TC1/2025/052		
53	Lường Gia	Hoàng	11/09/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.98	Khá	TC1.002919	14/TC1/2025/053		
54	Sa Quang	Hưng	07/07/2007	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.83	Khá	TC1.002920	14/TC1/2025/054		
55	Đinh Thị	Kiều	09/06/2007	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.98	Khá	TC1.002921	14/TC1/2025/055		
56	Lò Khánh	Lê	19/10/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.98	Khá	TC1.002922	14/TC1/2025/056		
57	Vì Thị	Liên	30/09/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.98	Khá	TC1.002923	14/TC1/2025/057		
58	Lò Quang	Linh	25/06/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.81	Khá	TC1.002924	14/TC1/2025/058		
59	Lường Văn	Lưu	05/06/2007	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.88	Khá	TC1.002925	14/TC1/2025/059		
60	Đinh Duy	Mạnh	01/11/2007	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.87	Khá	TC1.002926	14/TC1/2025/060		
61	Đinh Thị	My	01/08/2007	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.9	Khá	TC1.002927	14/TC1/2025/061		
62	Hoàng Hải	Nam	17/10/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.71	Khá	TC1.002928	14/TC1/2025/062		
63	Lường Văn	Nghĩa	06/12/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.81	Khá	TC1.002929	14/TC1/2025/063		
64	Hoàng Thu	Nghịệp	13/06/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.92	Khá	TC1.002930	14/TC1/2025/064		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại TN (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
65	Sa Thị	Nghiep	25/07/2007	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.9	Khá	TC1.002931	14/TC1/2025/065		
66	Đinh Khánh	Ngọc	02/12/2007	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.77	Khá	TC1.002932	14/TC1/2025/066		
67	Nguyễn Thanh	Nhàn	21/09/2007	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.77	Khá	TC1.002933	14/TC1/2025/067		
68	Đinh Thị Bình	Phương	17/06/2007	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.96	Khá	TC1.002934	14/TC1/2025/068		
69	Sa Thị	Sao	25/08/2007	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.94	Khá	TC1.002935	14/TC1/2025/069		
70	Đinh Hoàng	Thanh	09/04/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.83	Khá	TC1.002936	14/TC1/2025/070		
71	Lê Văn	Thành	03/02/2007	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.73	Khá	TC1.002937	14/TC1/2025/071		
72	Lò Thanh	Thảo	19/08/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.96	Khá	TC1.002938	14/TC1/2025/072		
73	Phan Thị Hằng	Thương	16/03/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.94	Khá	TC1.002939	14/TC1/2025/073		
74	Lường Văn	Tiến	02/10/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.63	Khá	TC1.002940	14/TC1/2025/074		
75	Đinh Văn	Tư	13/12/2007	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.87	Khá	TC1.002941	14/TC1/2025/075		
76	Hoàng Anh	Tuấn	17/07/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.88	Khá	TC1.002942	14/TC1/2025/076		
77	Sầm Thị Cát	Tường	10/10/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.87	Khá	TC1.002943	14/TC1/2025/077		
78	Vì Thị	Xuân	23/02/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.94	Khá	TC1.002944	14/TC1/2025/078		
79	Nguyễn Thị	Yến	18/10/2007	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2025	2.69	Khá	TC1.002945	14/TC1/2025/079		
80	Lèo Văn	Đạt	29/09/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.65	Khá	TC1.002946	14/TC1/2025/080		
81	Tòng Văn	Hạo	20/08/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.58	Khá	TC1.002947	14/TC1/2025/081		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại TN (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
82	Lù Thị	Hoa	10/08/2007	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.75	Khá	TC1.002948	14/TC1/2025/082		
83	Lường Gia	Bảo	23/01/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.44	Trung bình	TC1.002949	14/TC1/2025/083		
84	Lèo Chính	Can	22/12/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.56	Khá	TC1.002950	14/TC1/2025/084		
85	Giàng A	Cáng	20/08/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.5	Khá	TC1.002951	14/TC1/2025/085		
86	Hờ A	Chính	18/04/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.54	Khá	TC1.002952	14/TC1/2025/086		
87	Vừ A	Chua	02/07/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.88	Khá	TC1.002953	14/TC1/2025/087		
88	Giàng A	Dia	10/02/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.58	Khá	TC1.002954	14/TC1/2025/088		
89	Giàng A	Dơ	08/05/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.56	Khá	TC1.002955	14/TC1/2025/089		
90	Hàng Sơn	Đông	18/12/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.63	Khá	TC1.002956	14/TC1/2025/090		
91	Cầm Thùy	Dung	25/11/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.73	Khá	TC1.002957	14/TC1/2025/091		
92	Giàng Quang	Dũng	19/12/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.52	Khá	TC1.002958	14/TC1/2025/092		
93	Lò Thị	Duyên	19/04/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.83	Khá	TC1.002959	14/TC1/2025/093		
94	Giàng A	Hờ	20/05/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.56	Khá	TC1.002960	14/TC1/2025/094		
95	Vì Thị Mai	Hoa	21/11/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.92	Khá	TC1.002961	14/TC1/2025/095		
96	Lường Xuân	Huệ	18/01/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.92	Khá	TC1.002962	14/TC1/2025/096		
97	Lèo Trọng	Hùng	12/10/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.81	Khá	TC1.002963	14/TC1/2025/097		
98	Lò Văn	Nghĩa	21/01/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.54	Khá	TC1.002964	14/TC1/2025/098		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại TN (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
99	Lò Bình	Nghiệp	06/09/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.56	Khá	TC1.002965	14/TC1/2025/099		
100	Tòng Thị Thu	Nguyệt	26/08/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.54	Khá	TC1.002966	14/TC1/2025/100		
101	Cầm Văn	Phúc	10/12/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.35	Trung bình	TC1.002967	14/TC1/2025/101		
102	Hà Mạnh	Thân	16/05/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.73	Khá	TC1.002968	14/TC1/2025/102		
103	Thào A	Thanh	14/12/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.27	Trung bình	TC1.002969	14/TC1/2025/103		
104	Hoàng Văn	Thiệu	10/02/2007	Sơn La	Nam	Khơ Mú	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.67	Khá	TC1.002970	14/TC1/2025/104		
105	Lèo Văn	Tính	02/02/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.54	Khá	TC1.002971	14/TC1/2025/105		
106	Hàng A	Tông	27/02/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.85	Khá	TC1.002972	14/TC1/2025/106		
107	Hờ A	Tủa	27/02/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.63	Khá	TC1.002973	14/TC1/2025/107		
108	Lèo Thị Thảo	Vân	02/10/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.94	Khá	TC1.002974	14/TC1/2025/108		
109	Lường Anh	Vũ	24/12/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.87	Khá	TC1.002975	14/TC1/2025/109		
110	Hạng A	Sê	01/09/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.67	Khá	TC1.002976	14/TC1/2025/110		
111	Hờ A	Sò	01/12/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.5	Khá	TC1.002977	14/TC1/2025/111		
112	Phàng A	Su	14/06/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.54	Khá	TC1.002978	14/TC1/2025/112		
113	Thào Thị	Su	28/08/2007	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.75	Khá	TC1.002979	14/TC1/2025/113		
114	Lò Thị Phương	Anh	18/05/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.85	Khá	TC1.002980	14/TC1/2025/114		
115	Mùa A	Bằng	09/09/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.63	Khá	TC1.002981	14/TC1/2025/115		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại TN (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
116	Giàng A	Bình	14/04/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.46	Trung bình	TC1.002982	14/TC1/2025/116		
117	Tráng A	Chinh	15/09/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.63	Khá	TC1.002983	14/TC1/2025/117		
118	Vàng A	Chông	15/02/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.44	Trung bình	TC1.002984	14/TC1/2025/118		
119	Mùa A	Chổng	19/03/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.87	Khá	TC1.002985	14/TC1/2025/119		
120	Tráng A	Khay	02/06/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.79	Khá	TC1.002986	14/TC1/2025/120		
121	Thào A	Lứ	16/11/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.58	Khá	TC1.002987	14/TC1/2025/121		
122	Hờ Văn	Minh	07/04/2006	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.56	Khá	TC1.002988	14/TC1/2025/122		
123	Vàng A	Sử	15/10/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.62	Khá	TC1.002989	14/TC1/2025/123		
124	Mùa A	Thành	18/10/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.52	Khá	TC1.002990	14/TC1/2025/124		
125	Mùa A	Tháy	05/06/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.73	Khá	TC1.002991	14/TC1/2025/125		
126	Lù A	Thê	30/07/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.69	Khá	TC1.002992	14/TC1/2025/126		
127	Vàng A Dài	Tông	17/01/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.79	Khá	TC1.002993	14/TC1/2025/127		
128	Vàng A	Tổng	20/05/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.6	Khá	TC1.002994	14/TC1/2025/128		
129	Thào A	Tủa	03/09/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.56	Khá	TC1.002995	14/TC1/2025/129		
130	Lò Văn	Tuấn	14/09/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.42	Trung bình	TC1.002996	14/TC1/2025/130		
131	Mùa Thị	Vàng	30/12/2007	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.71	Khá	TC1.002997	14/TC1/2025/131		
132	Thào A	Vư	05/12/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.83	Khá	TC1.002998	14/TC1/2025/132		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại TN (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
133	Sông Thanh	Xuân	13/07/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Lâm sinh	2025	2.71	Khá	TC1.002999	14/TC1/2025/133		
134	Mùa Thị	Chi	10/10/2006	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	3.1	Giỏi	TC1.003000	14/TC1/2025/134		
135	Vàng Thị	Sênh	11/01/2007	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	2.87	Khá	TC1.003001	14/TC1/2025/135		
136	Hàng Thị	Chay	13/09/2007	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	2.98	Khá	TC1.003002	14/TC1/2025/136		
137	Lèo Thị	Cúc	14/09/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	2.94	Khá	TC1.003003	14/TC1/2025/137		
138	Lò Thị	Dân	17/07/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	2.83	Khá	TC1.003004	14/TC1/2025/138		
139	Tòng Tuấn	Khang	04/12/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	2.71	Khá	TC1.003005	14/TC1/2025/139		
140	Lường Thị Minh	Khuyên	19/04/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	2.98	Khá	TC1.003006	14/TC1/2025/140		
141	Lò Văn Trung	Kiên	10/07/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	2.71	Khá	TC1.003007	14/TC1/2025/141		
142	Cà Thị Thuý	Kiều	03/07/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	2.67	Khá	TC1.003008	14/TC1/2025/142		
143	Cà Văn Nhật	Kỳ	02/10/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	2.79	Khá	TC1.003009	14/TC1/2025/143		
144	Lò Thị	Lan	03/11/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	3.08	Giỏi	TC1.003010	14/TC1/2025/144		
145	Lò Thị Huệ	Linh	29/08/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	3.02	Giỏi	TC1.003011	14/TC1/2025/145		
146	Hà Đức	Mạnh	12/12/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	2.75	Khá	TC1.003012	14/TC1/2025/146		
147	Tòng Thị Hoà	My	06/08/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	2.85	Khá	TC1.003013	14/TC1/2025/147		
148	Cà Mạnh	Ngoan	31/12/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	2.67	Khá	TC1.003014	14/TC1/2025/148		
149	Lường Như	Ngọc	28/01/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Nghiệp vụ bán hàng	2025	2.85	Khá	TC1.003015	14/TC1/2025/149		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại TN (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
150	Lò Thị Minh	Nguyệt	08/09/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2025	3.06	Giỏi	TC1.003016	14/TC1/2025/150		
151	Lò Thị Thúy	Nhàn	09/09/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2025	3.04	Giỏi	TC1.003017	14/TC1/2025/151		
152	Lò Thị Hồng	Nhung	16/09/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2025	3.08	Giỏi	TC1.003018	14/TC1/2025/152		
153	Tòng Mai	Nhung	02/07/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2025	3	Giỏi	TC1.003019	14/TC1/2025/153		
154	Vàng A	Páo	28/04/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2025	2.56	Khá	TC1.003020	14/TC1/2025/154		
155	Sông A	Qua	08/07/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2025	2.75	Khá	TC1.003021	14/TC1/2025/155		
156	Lò Minh	Quang	14/05/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2025	2.83	Khá	TC1.003022	14/TC1/2025/156		
157	Vì Văn	Quốc	18/11/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2025	2.94	Khá	TC1.003023	14/TC1/2025/157		
158	Mùa Thị	Sâu	13/07/2007	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2025	2.94	Khá	TC1.003024	14/TC1/2025/158		
159	Giàng A	Súa	07/01/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2025	2.87	Khá	TC1.003025	14/TC1/2025/159		
160	Vàng A	Thái	18/03/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2025	2.6	Khá	TC1.003026	14/TC1/2025/160		
161	Tòng Thị	Thùy	27/12/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2025	3.04	Giỏi	TC1.003027	14/TC1/2025/161		
162	Vàng Thị	Xanh	06/08/2007	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Nghiep vụ bán hàng	2025	2.85	Khá	TC1.003028	14/TC1/2025/162		
163	Xa Thị Quỳnh	Anh	27/04/2007	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2025	2.5	Khá	TC1.003029	14/TC1/2025/163		
164	Lò Thị Minh	Ánh	29/05/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2025	2.37	Trung bình	TC1.003030	14/TC1/2025/164		
165	Lường Văn	Duẩn	06/04/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2025	2.29	Trung bình	TC1.003031	14/TC1/2025/165		
166	Lò Thùy	Dương	09/11/2006	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2025	2.25	Trung bình	TC1.003032	14/TC1/2025/166		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại TN (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
167	Tòng Anh	Hoàng	29/09/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2025	2.44	Trung bình	TC1.003033	14/TC1/2025/167		
168	Giàng Thị Pạ	Hua	29/05/2007	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2025	2.56	Khá	TC1.003034	14/TC1/2025/168		
169	Nguyễn Nhật Xuân	Kiều	23/12/2007	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2025	3.25	Giỏi	TC1.003035	14/TC1/2025/169		
170	Lù Thị	Lâm	27/01/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2025	2.96	Khá	TC1.003036	14/TC1/2025/170		
171	Sộng Thị	Mo	05/10/2007	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2025	2.79	Khá	TC1.003037	14/TC1/2025/171		
172	Lò Văn	Phú	24/02/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2025	2.94	Khá	TC1.003038	14/TC1/2025/172		
173	Hoàng Quốc	Bảo	01/09/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.65	Khá	TC1.003039	14/TC1/2025/173		
174	Mùa A	Do	07/03/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.44	Trung bình	TC1.003040	14/TC1/2025/174		
175	Đỗ Thị Việt	Hà	24/05/2007	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	3.06	Giỏi	TC1.003041	14/TC1/2025/175		
176	Hoàng Đức	Long	28/11/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.65	Khá	TC1.003042	14/TC1/2025/176		
177	Hoàng Văn	Mạnh	29/01/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.9	Khá	TC1.003043	14/TC1/2025/177		
178	Vừ Vạ	Mền	10/02/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.98	Khá	TC1.003044	14/TC1/2025/178		
179	Vì Văn	Nam	07/10/2007	Sơn La	Nam	Xinh Mun	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.9	Khá	TC1.003045	14/TC1/2025/179		
180	Quảng Thị	Nga	03/05/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	3.06	Giỏi	TC1.003046	14/TC1/2025/180		
181	Lò Thị Yến	Nhi	10/09/2007	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.98	Khá	TC1.003047	14/TC1/2025/181		
182	Hà Minh	Tiếp	08/09/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.63	Khá	TC1.003048	14/TC1/2025/182		
183	Đinh Nhật	Tú	09/02/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.56	Khá	TC1.003049	14/TC1/2025/183		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TB 4)	Xếp loại TN (TB 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
184	Châu Trí	Tường	28/11/2007	Sơn La	Nam	Dao	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.62	Khá	TC1.003050	14/TC1/2025/184		
185	Lừ Trọng	Tuyên	26/11/2007	Sơn La	Nam	Khơ Mú	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.88	Khá	TC1.003051	14/TC1/2025/185		
186	Mùa A	Vàng	14/06/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.65	Khá	TC1.003052	14/TC1/2025/186		
187	Sông A	Vàng	13/08/2007	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.85	Khá	TC1.003053	14/TC1/2025/187		
188	Quảng Văn	Vinh	16/12/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.48	Trung bình	TC1.003054	14/TC1/2025/188		
189	Vì Trọng	Vũ	15/08/2007	Sơn La	Nam	Xinh Mun	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.27	Trung bình	TC1.003055	14/TC1/2025/189		
190	Lò Quốc	Vương	17/06/2007	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.58	Khá	TC1.003056	14/TC1/2025/190		
191	Vì Văn	Xuân	18/04/2007	Sơn La	Nam	Xinh Mun	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2025	2.87	Khá	TC1.003057	14/TC1/2025/191		

Danh sách này có: 191 học sinh

Sơn La, ngày 21 tháng 04 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long